TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HD** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19/3/2019
"V/v Chia tài sản chung sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HD

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thị Mai Hoa**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Minh Tân** và bà **Nguyễn Thị Liên**

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà **Đặng Ngọc Anh** - Thư ký Toà án nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD tham gia phiên toà*: Ông **Nguyễn Văn Tưởng**- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 440/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc "Chia tài sản chung sau ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1957

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 128 phố Việt Hòa, khu 5, phường VH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương

Hiện đang cư trú: Số nhà 124 phố Việt Hòa, khu 5, phường VH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (Có mặt).

- Bị đơn: Bà **Lương Thị T**, sinh năm 1961

Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Số nhà 128 phố Việt Hòa, khu 5, phường VH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Phạm Tuấn A**, sinh năm 1986

Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Số nhà 128 phố Việt Hòa, khu 5, phường VH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Bà Lương Thị T và anh Phạm Tuấn A vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:*

Tôi và bà Lương Thị T đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn và có quyết định tại Bản án số 06/2017/HNGĐ-PT ngày 09/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh

Hải Dương, tại bản án trên Tòa án chỉ giải quyết cho chúng tôi về quan hệ vợ chồng, về tài sản chúng tôi tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết. Do không thỏa thuận được, tháng 7/2017, tôi đã có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố HD chia tài sản chung của tôi với bà Lương Thị T trong thời kỳ hôn nhân, gồm: nhà xây 3 tầng trên diện tích 205,1m2 đất ở. Sau đó chúng tôi có thỏa thuận tự phân chia về tài sản chung nên tôi đã rút đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn. Ngày 27/9/2017, chúng tôi đã lập biên bản thỏa thuận có người làm chứng là ông Đồng Văn H là Trưởng khu dân cư số 5 phường VH và bà Phạm Thị Y. Hai bên đã thỏa thuận phân chia tôi lấy 4,5m mặt đường sâu khoảng 19m, bà T hưởng diện tích đất còn lại trên có nhà xây, công trình phụ, hai bên đều đồng ý và đã ký vào biên bản.

Sau đó tôi làm thủ tục tách đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng bà T không hợp tác và không đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên tháng 7/2018 tôi đã khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn với bà T tại Tòa án nhân dân thành phố HD.

Tài sản tôi đề nghị chia gồm nhà và đất ở tại số 128 phố Việt Hòa, khu 5, phường VH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương và 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Yuejin biển đăng ký 34C-024.97 mang tên tôi (Phạm Văn T). Tổng trị giá tài sản là: 2.548.360.000đ. Nhà mái tôn 1 tầng phía trước trị giá theo Hội đồng định giá là 40.000.000đ, tôi xác định là do con trai tôi là Phạm Tuấn A làm, do vậy, tôi không đề nghị chia. Sau này ai nhận phần nhà mái tôn này thì người đó có trách nhiệm trả cho anh Phạm Tuấn A.

Trước đây bà T đã có những hành vi và lời lẽ xúc phạm đến tôi và gia đình tôi, đồng thời cũng không hợp tác với tôi trong việc làm thủ tục phân chia tài sản chung. Do đó, tôi không đồng ý với quan điểm của bà T là yêu cầu tôi rút đơn khởi kiện để tôi và bà T tự thỏa thuận và đề nghị Tòa án tạo điều kiện để chúng tôi tự thỏa thuận để làm thủ tục sang tên cho nhau theo như biên bản đã thỏa thuận trước đây. Tôi vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau ly hôn.

Về quan điểm chia tài sản chung, tôi vẫn giữ nguyên quan điểm như tại biên bản thỏa thuận là tôi quản lý, sử dụng 4,5m mặt đường kéo dài thửa đất sâu khoảng 19m và chiếc xe ô tô tải. Bà T quản lý, sử dụng diện tích đất còn lại trên có nhà xây, công trình phụ. Do vậy, bà T phải thanh toán cho anh Tuấn A phần nhà lợp mái tôn và các tài sản khác do anh Tuấn A sửa chữa. Các bên không phải trả tiền chênh lệch tài sản cho nhau. Đối với kết quả định giá tài sản tôi hoàn toàn đồng ý với kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản và không có ý kiến gì.

Tiền chi phí thẩm định tài sản và chi phí định giá tài sản tôi đã nộp, tôi tự nguyện chịu cả không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi đã được Tòa án giải thích là trong vụ án chia tài sản chung của vợ chồng thì các bên phải chịu mức án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản mà mình được nhận. Tôi nhất trí, tuy nhiên hiện nay tôi đã trên 60 tuổi theo quy định của pháp luật tôi được miễn án phí. Vì vậy, tôi đề nghị tòa xem xét miễn án phí cho tôi.

** Quá trình giải quyết vụ án bà T có bản trình bày ý kiến và tại phiên hòa giải bà Lương Thị T trình bày:*

Bà và ông Phạm Văn T đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn và có quyết định tại Bản án số 06/2017/HNGĐ-PT ngày 09/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương như ông T trình bày là đúng. Theo quyết định này thì phần tài sản hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà xác định trong thời kỳ hôn nhân ông T và bà có tài sản chung sau:

Nhà đất tại thửa số 40, tờ bản đồ số 28 tại số 128 phố Việt Hòa, thành phố HD. Tổng diện tích đất là: 205,1 m2. Trên đất có nhà 3 tầng lệch. Diện tích xây dựng là: 68,4 m2, diện tích sàn là 147,8 m2; 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Yuejin, trọng tải 10 tấn, loại tải trung bình, sản xuất năm 2008 tại Trung Quốc, biển đăng ký 34C-024.97 mang tên ông Phạm Văn T, đăng ký lần đầu năm 2009, xe đã qua sử dụng, xe mua cũ năm 2011.

Nhà mái tôn 1 tầng phía trước khoảng 20 m2 là do anh Phạm Tuấn A (con trai ông T và bà T) xây dựng. Ngoài ra, anh Tuấn A sơn lại nhà và lắp lại mấy cửa gỗ đã bị hỏng, lắp lại mấy cửa kính.

Bà vẫn giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết ly hôn là đề nghị Tòa án để cho bà và ông T tự thỏa thuận về phần tài sản. Quan điểm của bà không đề nghị các cơ quan pháp luật và Tòa án nhân dân thành phố HD giải quyết việc chia tài sản sau ly hôn giữa bà và ông T. Hiện nay, bà đã tìm thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà đề nghị ông T rút đơn khởi kiện để bà và ông T tự thỏa thuận. Bà yêu cầu ông T tôn trọng chữ ký của mình và những người làm chứng đã ký trong biên bản phân chia tài sản ngày 27 tháng 9 năm 2017. Hai bên đã thỏa thuận phân chia ông T lấy 4,5m mặt đường, sâu khoảng 19m và 01 xe ôtô, bà hưởng phần diện tích đất còn lại trên có nhà xây và công trình phụ. Hai bên không phải trả tiền chênh lệch cho nhau. Bà khẳng định bà luôn phối hợp cùng ông T tiến hành các thủ tục hợp pháp đối với các phần tài sản của mỗi bên mà ông T và bà đã thống nhất phân chia tài sản sau ly hôn. Bà không đồng ý với ý kiến của ông T cho rằng bà không hợp tác cùng ông T làm các thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền đối với phần tài sản bà và ông T đã thỏa thuận phân chia.

Đối với kết quả định giá tài sản bà không quan tâm vì quan điểm của bà muốn bà và ông T thỏa thuận về tài sản như biên bản hai bên đã thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà xác định không đề nghị Tòa án chia tài sản chung nên không chịu án phí.

** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Tuấn A có trình bày.*

Bố mẹ anh là bà Lương Thị T và ông Phạm Văn T đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn và có quyết định tại Bản án số 06/2017/HNGĐ-PT ngày 09/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Bố mẹ anh có nhà đất tại số 128 phố Việt Hòa, phường VH, thành phố HD. Anh xác định nhà mái tôn 1 tầng phía trước (trị giá theo Hội đồng định giá là 40.000.000đ) là do anh làm. Ngoài ra, anh có sơn lại nhà và lắp lại mấy cửa gỗ đã bị hỏng, lắp lại mấy cửa kính. Tuy nhiên, anh không có yêu cầu gì đối với phần công sức anh đã đóng góp. Sau này quá trình xét xử tại Tòa án, nếu phần nhà mái tôn này hoặc ngôi nhà có giao cho ai (ông T hoặc bà T) thì anh cũng không yêu cầu ông T hoặc bà T trả lại cho anh số tiền trên. Ngoài ra, anh không có đóng góp gì khác đối với phần tài sản chung của ông T và bà T.

Tại phiên toà ông T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) giải quyết chia tài sản chung của ông và bà T có trong thời kỳ hôn nhân là: nhà và đất ở tại số 128 phố Việt Hòa, khu 5, phường VH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương và 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Yuejin biển đăng ký 34C-024.97 mang tên ông là Phạm Văn T. Ông đề nghị được hưởng phần đất không có nhà, trên đất có 01 bể nước, 01 cây nhãn và 01 xe ô tô tải. Bà T hưởng phần diện tích đất trên có nhà xây và công trình phụ. Các bên không phải trả tiền chênh lệch tài sản cho nhau.

Tại phiên tòa bà Lương Thị T và anh Phạm Tuấn A vắng mặt không có lý do.

** Kết quả Hội đồng định giá trong tố tụng dân sự ngày 09 tháng 11 năm 2018, cụ thể như sau:*

1. Phần đất định giá:

- Thửa đất số 40, tờ bản đồ 28, địa chỉ tại số 128 phố Việt Hòa, khu 5, phường VH, thành phố HD có tổng diện tích 205,1m 2. Tổng giá trị là: 10.000.000đ/m2 x 205,1m2 = 2.051.000.000đồng.

2. Phần tài sản, nhà gắn liền trên đất:

- Nhà ở cấp 3: Nhà 3 tầng (Lệch); tường chịu lực, mái BTCT, diện tích xây dựng 68,4m 2; diện tích sàn 147,8m 2. Nhà xây dựng vào năm 1995. Giá trị là: 147,8m 2 x 4.000.000đ/m2 x 30%= 177.360.000đồng.

- Nhà mái tôn 1 tầng phía trước ước tính là 2.000.000đ/m 2 (Xây dựng năm 2018). Giá trị là: 20m2 x 2.000.000đ/m2 = 40.000.000đồng.

3. Tài sản khác:

+ 01 ôtô tải Nhãn hiệu YUEJIN, trọng tải 10 tấn, loại tải trung bình, sản xuất năm 2008 tại Trung Quốc, biển số đăng ký 34C-024.97, đăng ký lần đầu năm 2009, xe đã qua sử dụng, xe mua cũ năm 2011, giá mua là: 550.000.000đ + Sửa chữa, thay thế phụ tùng: 150.000.000đ = 700.000.000đ. Giá trị là: 300.000.000đ.

Tổng cộng giá trị đất, tài sản trên đất và tài sản khác là: 2.568.360.000đ

(Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng)

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng là nguyên đơn, chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng qui định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án, đây là Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố HD theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tòa án nhân dân thành phố HD đã cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Lương Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Tuấn A theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bà T, anh Tuấn A vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) xét xử vắng mặt bà T, anh Tuấn A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

- Giao cho bà Lương Thị T phần đất phía Tây thửa đất có diện tích 124,1 m2 và nhà, công trình phụ trên đất, tổng giá trị nhà, đất bà T được chia là: 1.418.360.000đ.

- Giao cho ông T phần đất còn lại có diện tích là 81m2, trị giá 810.000.000đ và 01 xe ô tô tải có trị giá 300.000.000đ. Tổng giá trị tài sản ông T được chia là 1.110.000.000đ.

- Chấp nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà T phải trả tiền chênh lệch tài sản.

* Về chi phí thẩm định và chi phí định giá tài sản ông Phạm Văn T đã nộp và tự nguyện chịu không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

* Về án phí: Ông Phạm Văn T và bà Lương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Phạm Văn T trên 60 tuổi nên được miễn án phí DSST, bà T chưa nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lương Thị T và anh Phạm Tuấn A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà T và anh Tuấn A vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Lương Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Tuấn A là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật: Ông Phạm Văn T và bà Lương Thị T đã được Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho ly hôn tại Bản án số 06/2017/HNGĐ-PT ngày 09/3/2017, tại bản án trên Tòa án chỉ giải quyết về quan hệ vợ chồng, về tài sản các bên tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết. Ngày 27/9/2017, ông T và bà T đã có lập văn bản về việc phân chia tài sản có sự tham gia chứng kiến của bà Phạm Thị Y, ông Đồng Văn H. Tại biên bản trên hai bên đã thỏa thuận phân chia nhà ở và đất ở, như sau:

- Bà T quản lý, sử dụng toàn bộ phần nhà ở có đầy đủ công trình phụ trợ và phần đất sau khi đo cho ông T 4,5m mặt đường hiện đang là sân kéo dài hết thửa đất.

- Ông T quản lý, sử dụng 4,5m kéo dài hết phần đất, phía nam giáp mặt đường, phía Đông giáp phần đất của ông Phạm Văn Quân, phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Thế Ký, phía Tây giáp bà Lương Thị T.

Biên bản thỏa thuận lập xong các bên tham gia đều đã ký tên. Theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "Thỏa thuận về việc chia tài sản chung phải lập thành văn bản. Văn bản này được công chứng theo yêu cầu của vợ chồng hoặc theo quy định của pháp luật". Theo quy định của Luật đất đai thì đối với những giao dịch liên quan đến đất đai thì phải được công chứng và làm thủ tục đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền nhưng ông T và bà T chỉ lập văn bản có chữ ký các bên nhưng chưa tiến hành các thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nên việc thỏa thuận của ông T, bà T chưa có giá trị pháp lý. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án bà T đề nghị ông T rút đơn để hai bên thỏa thuận nhưng ông T không nhất trí và vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau ly hôn của ông và bà T. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận đề nghị của bà T về việc bà T và ông T đã có văn bản

thỏa thuận về việc chia tài sản chung sau ly hôn nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ông Phạm Văn T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố HD giải quyết việc chia tài sản sau ly hôn giữa ông và bà Lương Thị T, tại phiên tòa ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố HD.

[3] Về nội dung:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và ý kiến trình bày của ông Phạm Văn T tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

* Về tài sản:

- Xác định khối tài sản chung của ông Phạm Văn T và bà Lương Thị T có trong thời kỳ hôn nhân là thửa đất số 40, tờ bản đồ số 28 phố Việt Hòa, khu 5 phường VH, thành phố HD diện tích là 205,1m2 có kích thước theo các cạnh như sau: ABCDEFGHIK, có tổng giá trị là: 2.051.000.000đ; 01 nhà 03 tầng có giá trị: 177.360.000đ và 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Yuejin biển kiểm soát 34C-024.97, đăng ký mang tên ông Phạm Văn T trị giá 300.000.000đ. Tổng cộng giá trị nhà, đất và xe ô tô là: 2.528.360.000đ.

- Nhà mái tôn 01 tầng phía trước diện tích 20m2 trị giá 40.000.000đ là do anh Phạm Tuấn A là con trai ông T và bà T xây dựng.

* Về cách chia:

Sau khi ly hôn, ông T và bà T đã thỏa thuận phân chia tài sản nhà đất tại số 128 phố Việt Hòa nhưng không thực hiện được. Xét hiện trạng thửa đất, diện tích đất ông T, bà T có trong thời kỳ hôn nhân là 205,1m2, trên đất xây dựng 01 nhà 3 tầng. Hiện ông T đang ở cùng bố mẹ ông T, bà T và anh Tuấn A đang ở tại ngôi nhà. Hai bên đã lập biên bản thỏa thuận về cách phân chia tài sản. Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn T đề nghị được hưởng phần đất không có nhà, trên đất có 01 bể nước, 01 cây nhãn. Bà T hưởng phần diện tích đất trên có nhà xây và công trình phụ. Các bên không phải trả tiền chênh lệch tài sản cho nhau. Xét đề nghị của nguyên đơn là phù hợp với sự ý nguyện của các bên. Do vậy, giao cho các bên như sau:

+ Giao cho ông Phạm Văn T được sở hữu, sử dụng diện tích 81m2 đất ở thuộc thửa đất số 40, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thửa đất tại khu 5, phường VH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương kích thước thửa đất theo hình BCDE. Có các cạnh BC giáp nhà bà Nguyễn Thị Minh Hằng dài 4,5m; cạnh DE giáp vỉa hè đường Việt Hòa dài là 4,5m; cạnh CD giáp nhà ông Phạm Văn Quân dài 17,88m; cạnh BE giáp phần đất nhà bà Lương Thị T được chia có chiều dài là 18,11m. Trên phần đất giao cho ông T có 01 bể đựng nước, 01 cây nhãn, có tổng trị giá là

810.000.000đ và 01 xe ô tô nhãn hiệu Yuejin biển kiểm soát 34C-024.97, đăng ký mang tên ông là Phạm Văn T (xe hiện do ông Phạm Văn T quản lý) trị giá 300.000.000đ. Tổng trị giá tài sản ông T được hưởng là 1.110.000.000đ.

+ Giao cho bà Lương Thị T được sở hữu, sử dụng diện tích 124,1m2 đất ở thuộc thửa đất số 40, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thửa đất tại khu 5, phường VH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương, kích thước các thửa theo hình ABEFGHIK. Có cạnh AB giáp nhà bà Nguyễn Thị Minh Hằng có chiều dài 6,33m; cạnh AK giáp ngõ đi có chiều dài: 4,02m + 13,03m; cạnh EFGHIK giáp vỉa hè đường Việt Hòa có chiều dài là EF là 1,37m + FG là 4,9m + GH là 0,55m + HI là 0,76m + IK là 0,39m; Cạnh BE dài 18,11 m giáp phần đất ông T được chia. Trên đất có nhà 3 tầng lệch và các công trình phụ, diện tích xây dựng 68,4 m2, diện tích sàn 147,8m2. Tổng giá trị tài sản bà T được hưởng là: 1.418.360.000đ.

+ Chấp nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà T phải trả tiền chênh lệch tài sản.

+ Giao cho bà T sử dụng 01 nhà mái tôn 01 tầng phía trước nhà diện tích 20 m2 trị giá 40.000.000đ do anh Tuấn A xây. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Tuấn A không yêu cầu bà T thanh toán tiền trả anh.

+ Chấp nhận sự tự nguyện của anh Tuấn A không yêu cầu ông T, bà T thanh toán phần tiền anh đã sửa chữa sơn nhà và làm lại một số cửa gỗ, cửa kính.

[4] Về án phí: Ông Phạm Văn T phải chịu án phí DSST đối với phần giá trị tài sản được chia 36.000.000đ + (3%x310.000.000đ) = 45.300.000đ. Hiện nay, ông T đã trên 60 tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 Nghị Quyết 326 của UBTVQH. Bà Lương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản được chia là: 36.000.000đ + (3%x618.360.000đ) = 54.550.800đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 29, Điều 33, Điều 38, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Người cao tuổi.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

Xác định khối tài sản chung của ông Phạm Văn T và bà Lương Thị T có trong thời kỳ hôn nhân là thửa đất số 40, tờ bản đồ số 28 phố Việt Hòa, khu 5 phường VH

diện tích là 205,1m2 có kích thước theo các cạnh như sau: ABCDEFGHIK và 01 nhà 03 tầng lệch, tổng giá trị nhà và đất là: 2.228.360.000đ *(Hai tỷ hai trăm hai tám triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn)* và 01 xe ô tô tải nhãn hiệu Yuejin biển đăng ký 34C-024.97 mang tên ông là Phạm Văn T trị giá 300.000.000đ *(Ba trăm triệu đồng chẵn)*. Tổng cộng giá trị nhà, đất và xe ô tô là: 2.528.360.000đ *(Hai tỷ năm trăm hai tám triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn)*.

+ Giao cho ông Phạm Văn T được sở hữu, sử dụng diện tích 81m2 đất ở thuộc thửa đất số 40, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thửa đất tại khu 5, phường VH, thành phố HD, tỉnh Hải Dươn, kích thước thửa đất theo hình BCDE. Có các cạnh BC giáp nhà bà Nguyễn Thị Minh Hằng dài 4,5m; cạnh DE giáp vỉa hè đường Việt Hòa dài là 4,5m; cạnh CD giáp nhà ông Phạm Văn Quân dài 17,88m, cạnh BE giáp phần nhà, đất bà Lương Thị T được chia có chiều dài là 18,11m. Trên phần đất giao cho ông T có 01 bể đựng nước, 01 cây nhãn, trị giá là 810.000.000đ *(Tám trăm mười triệu đồng chẵn)* và 01 xe ô tô nhãn hiệu Yuejin biển kiểm soát 34C-024.97, đăng ký mang tên ông là Phạm Văn T trị giá 300.000.000đ *(Ba trăm triệu đồng chẵn)* (xe hiện do ông T đang quản lý). Tổng trị giá tài sản ông T được chia là 1.110.000.000đ *(Một tỷ một trăm mười triệu đồng chẵn)*.

+ Giao cho bà Lương Thị T được sở hữu, sử dụng diện tích 124,1m2 đất ở thuộc thửa đất số 40, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thửa đất tại khu 5, phường VH, thành phố HD, tỉnh Hải Dương, kích thước thửa theo hình ABEFGHIK. Có cạnh AB giáp nhà bà Nguyễn Thị Minh Hằng có chiều dài 6,33m, cạnh EFGHIK giáp vỉa hè đường Việt Hòa có chiều dài là EF là 1,37m + FG là 4,9m + GH là 0,55m + HI là 0,76m + IK là 0,39m. Trên đất có nhà 3 tầng lệch, diện tích xây dựng 68,4 m2, diện tích sàn 147,8m2. Tổng giá trị tài sản bà T được chia là: 1.418.360.000đ *(Một tỷ bốn trăm mười tám triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn)*.

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo)

+ Giao cho bà T sử dụng 01 nhà mái tôn 01 tầng phía trước nhà diện tích 20 m2 trị giá 40.000.000đ do anh Tuấn A xây. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Tuấn A không yêu cầu bà T thanh toán tiền trả anh.

+ Chấp nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà T phải trả tiền chênh lệch tài sản.

[2]. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm Văn T; Bà T phải chịu 54.550.800đ *(Năm mươi tư triệu năm trăm năm mươi ngàn tám trăm đồng chẵn)* tiền án phí dân sự sơ thẩm (bà T chưa nộp).

[3]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/3/2019). Bị đơn bà Lương Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Tuấn A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP. HD;
- Chi cục THA dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mai Hoa